

# GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP SỐ - NGHIÊN CỨU SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM KIÊN GIANG

## DIGITAL ENTREPRENEURSHIP EDUCATION

### – A CASE STUDY OF STUDENTS FROM KIEN GIANG COLLEGE OF EDUCATION

VŨ LÊ QUỲNH PHƯƠNG<sup>(\*)</sup>, NGUYỄN KHẮC TRUNG<sup>(\*\*)</sup>

<sup>(\*\*)</sup>Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 14/10/2023            Ngày nhận lại: 27/10/2023            Duyệt đăng: 25/4/2023            Mã số: TCKH-SĐBT11-B06-2023            ISSN: 2354 - 0788</p> <p><b>Từ khóa:</b>            Năng lực số, khởi nghiệp số, sinh viên, giáo dục khởi nghiệp số.</p> <p><b>Key words:</b>            Digital competence; digital entrepreneurship; students; digital entrepreneurial education.</p>	<p>Mục tiêu của nghiên cứu nhằm phân tích mối liên hệ giữa năng lực khởi nghiệp số và ý định khởi nghiệp số. Ngoài ra, nghiên cứu vai trò trung gian của động lực khởi nghiệp giữa năng lực khởi nghiệp số và ý định khởi nghiệp số dựa trên khảo sát 423 sinh viên và học viên từ các chuyên ngành khác nhau từ trường Cao Đẳng Sư phạm Kiên Giang. Dữ liệu đã được thu thập bằng một bảng câu hỏi có cấu trúc và phân tích sử dụng phân tích hồi quy đa biến. Kết quả xác nhận rằng năng lực khởi nghiệp số ảnh hưởng đáng kể đến ý định khởi nghiệp số. Trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh, đóng góp chính của nghiên cứu này nhấn mạnh ảnh hưởng của năng lực số lên ý định khởi nghiệp số và vai trò trung gian của động lực khởi nghiệp, làm sáng tỏ mối quan hệ giữa năng lực số và ý định khởi nghiệp số.</p> <p><b>ABSTRACT</b></p> <p>The study aims to analyze the relationship between digital entrepreneurial competence and digital entrepreneurial intention. Additionally, it examines the mediating role of entrepreneurial motivation between digital entrepreneurial competence and digital entrepreneurial intention, based on a survey of 423 students and learners majoring in various disciplines from Kien Giang College of Education. Data were collected by using a structured questionnaire and multivariate regression analysis. The results show that digital entrepreneurial competence significantly influences digital entrepreneurial intention. In the context of the robust development of digital technology, the study highlights the impact of digital competence on digital entrepreneurial intention and the mediating role of entrepreneurial motivation, clarifying the relationship between digital competence and digital entrepreneurial intention.</p>

## 1. Đặt vấn đề

Trong xu hướng phát triển mạnh mẽ của công nghệ, giáo dục và phát triển khởi nghiệp số (KNS) trở thành một yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế quốc gia (Thu, 2023). KNS không chỉ nằm ở việc tích hợp công nghệ mà còn trong cách thức tái cấu trúc và đổi mới mô hình kinh doanh, không còn giới hạn ở việc kinh doanh trực tuyến, hướng tới việc số hóa từ sản phẩm, dịch vụ đến quy trình hoạt động. Trong KNS thì kỹ năng và kiến thức về công nghệ đóng vai trò hàng đầu đi đôi với tư duy sáng tạo và khả năng tiếp tục học hỏi. Để đáp ứng nhu cầu này, giáo dục khởi nghiệp cần phải thích nghi và đổi mới, hướng đến sự liên kết chặt chẽ với thực tế, trang bị cho sinh viên cả tư duy lẫn kỹ năng thực hành.

Để đưa ra những đánh giá toàn diện, cụ thể về khả năng và ý định KNS của sinh viên, nghiên cứu này tập trung tìm hiểu mối liên hệ giữa động lực, ý định và năng lực KNS. Từ đó, định hình, phát triển hệ thống giáo dục khởi nghiệp hiệu quả và phù hợp.

## 2. Lịch sử nghiên cứu và phát triển giả thuyết

### 2.1. Năng lực khởi nghiệp số và ý định khởi nghiệp số

Hiện nay, sự phát triển nhanh chóng của chuyển đổi số đã tạo ra một làn sóng tăng trưởng trong lĩnh vực dịch vụ và đồng thời mở rộng cơ hội kinh doanh trên phạm vi toàn cầu từ những không gian nhỏ. KNS được hiểu như một quá trình triển khai doanh nghiệp mới dựa trên nền tảng internet và công nghệ (Ngoasong, 2018). Trong bối cảnh này, định nghĩa về "năng lực" có thể được xem xét như là sự kết hợp giữa kỹ năng cơ bản, kiến thức và kinh nghiệm cá nhân, tất cả đều liên quan đến hiệu suất và hiệu quả trong một lĩnh vực công việc cụ thể. Đặc biệt, nghiên cứu của (Man, 2002) đã phân loại sáu loại năng lực khởi nghiệp chính, bao gồm: cơ hội, mối quan hệ, khái niệm, tổ chức, chiến lược và cam kết.

Tuy nhiên, nếu nhìn lại lịch sử nghiên cứu thì đa số tập trung vào vai trò của giáo dục khởi

ngiệp và cách giáo dục ảnh hưởng đến quyết định khởi nghiệp (Baubonienè, 2018). Nghiên cứu của (Li, 2019) đã đưa ra giả thuyết về giáo dục khởi nghiệp nhằm xác định ý định khởi nghiệp của sinh viên. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã bỏ sót một yếu tố quan trọng trong khởi nghiệp đó là năng lực khởi nghiệp. Nghiên cứu của (Farhangmehr, 2016) đã chỉ ra rằng năng lực khởi nghiệp chính là yếu tố quyết định đối với ý định khởi nghiệp. Năng lực số không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Bên cạnh đó, năng lực số không chỉ giúp sinh viên trong việc sáng tạo doanh nghiệp mới mà còn ảnh tác động mẽ đến ý định khởi nghiệp của họ. Vì vậy, giả thuyết chính của nghiên cứu này có thể được rút ra đó là: *Năng lực KNS và ý định KNS có mối liên hệ chặt chẽ và không thể tách rời.*

### 2.2. Năng lực khởi nghiệp và động lực khởi nghiệp

Trong khởi nghiệp, việc hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định và hành động của người tham gia khởi nghiệp là quan trọng. Các yếu tố cá nhân và môi trường đều góp phần quyết định tới sự ra đời của các doanh nghiệp mới, nó có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới quyết định khởi nghiệp thông qua việc biến đổi tình hình và thái độ của cá nhân. Tiếp cận từ một góc độ khác, trong nghiên cứu gần đây của (Nurlan, 2020), tác giả đã giới thiệu một mô hình giáo dục tập trung vào việc phát triển các kỹ năng KNS cho sinh viên. Những kỹ năng này bao gồm kỹ năng số, khởi nghiệp, giao tiếp văn hóa, bảo mật và phát triển cá nhân. Tương tự, trong nghiên cứu (Markow, 2018) cũng đã đề cập đến các yếu tố kỹ năng số cơ bản trong quá trình khởi nghiệp: kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm. Một điểm quan trọng nữa là việc sinh viên tiếp cận, nhận thức về việc học và phát triển kỹ năng mới cũng góp phần vào sự thành công của KNS. Khi sinh viên đạt được thành công trong việc này, họ thường có cảm giác tự tin, độc

lập, động lực để tiếp tục theo đuổi mục tiêu của mình. Trong quá trình đó, công nghệ thông tin và truyền thông có vai trò quan trọng trong việc tạo ra những bước tiến mạnh mẽ của giáo dục bằng việc giúp sinh viên tiếp cận với các khái niệm khoa học phức tạp, cung cấp cho họ quyền truy cập vào một lượng thông tin dồi dào và hỗ trợ họ trong việc trở thành người học tự chủ (Nggadas, 2019). Điều này đã được minh chứng qua nhiều nghiên cứu và công nghệ giáo dục hiện đại. Với những lập luận trên, chúng tôi rút ra giả thuyết đó là: *Năng lực KNS tác động mạnh mẽ tới động lực khởi nghiệp của cá nhân.*

### **2.3. Động lực khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp số**

Động lực khởi nghiệp là sự thúc đẩy cá nhân quyết tâm theo đuổi và triển khai ý tưởng kinh doanh, nhằm tạo ra giá trị và phần đầu cho sự thành công. Yếu tố này không chỉ định hình ý định khởi nghiệp mà còn là chìa khóa để biến ý định thành hành động thực sự. Đã có nhiều nghiên cứu cho thấy sự ảnh hưởng của động lực khởi nghiệp lên quyết định và hành vi khởi nghiệp của sinh viên. Khi sinh viên có một động lực khởi nghiệp mạnh mẽ, họ có nhiều khả năng phát triển và trở thành doanh nhân thành công. Những nghiên cứu trước đây đã xác lập mối liên giữa động lực khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp dựa trên các yếu tố như kỳ vọng về lợi ích tài chính hoặc sự đánh giá rủi ro cá nhân muốn chấp nhận (Murnieks, 2020). Bên cạnh đó, động lực khởi nghiệp có thể thay đổi tùy thuộc vào văn hóa, đặc điểm dân số, và ngữ cảnh quốc gia. Các phân tích cũng đã chỉ ra sự biến đổi của động lực khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp giữa các quốc gia và thậm chí giữa các cá nhân (Bui, 2021).

Dựa vào những thông tin trên, chúng ta có thể đặt ra giả thuyết: *Động lực khởi nghiệp sẽ tác động tích cực và có ý nghĩa đối với ý định KNS của sinh viên.*

## **3. Nội dung và phương pháp nghiên cứu**

### **3.1. Nội dung nghiên cứu**

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã tiến hành xây dựng bảng câu hỏi nhằm đánh giá năng lực KNS và động lực khởi nghiệp dựa trên nhiều yếu tố chi tiết. Cụ thể, năng lực KNS được xác định là sự kết hợp của các yếu tố: kiến thức về nguyên tắc công nghệ số, khả năng truy cập và xử lý thông tin số, sử dụng và truyền đạt thông tin hiệu quả, quản lý và bảo mật thông tin, kỹ năng đánh giá và phê phán trong môi trường kinh doanh. Ý định KNS đóng vai trò quan trọng trong thế giới số hóa và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Thứ nhất, quan điểm cá nhân về giá trị của công nghệ và cơ hội kinh doanh số. Thứ hai, mạng lưới xã hội kỹ thuật số và tài nguyên kỹ thuật số sẵn có cũng ảnh hưởng đến ý định KNS. Thứ ba, năng lực kỹ thuật số và niềm tin vào khả năng áp dụng công nghệ trong KNS.

### **3.2. Phương pháp nghiên cứu**

Dữ liệu chính được thu thập với thang đo năng lực KNS, động lực khởi nghiệp và ý định KNS. Đối tượng khảo sát là sinh viên, học viên tại trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang.

Thông tin người được khảo sát chỉ ra rằng: 218 số người trả lời dưới 22 tuổi (51,6%); 127 người thuộc nhóm tuổi từ 23-25 tuổi (30,0%); 78 người trả lời thuộc nhóm tuổi 25-30 tuổi (18,4%). Mẫu nghiên cứu chủ yếu là 309 nữ (73,0%) và 114 nam (27%). Đa số người trả lời đến từ các ngành: Tin học (33,6%); Tiếng Anh (28,6%); Giáo dục Tiểu học (16,5%); Giáo dục mầm non (15,2%) và Ngữ văn (6,1%). Mô tả trên về mẫu nghiên cứu cho thấy sự đa dạng cho nhiều lớp sinh viên, làm cho nghiên cứu ý nghĩa hơn.

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm (1- Hoàn toàn không đồng ý, 2- Không đồng ý, 3- Trung lập, 4 - Đồng ý, 5- Hoàn toàn đồng ý). Bên cạnh đó, để kiểm tra độ nhất quán và độ tin cậy của dữ liệu, chúng tôi đã sử dụng phần mềm SPSS. Để đảm bảo tính khách quan và chính xác của nghiên cứu, chúng tôi đã kiểm định độ tin cậy và tính hợp lệ của các thang đo. Kết quả cho thấy, tất cả ba thang đo đều có giá trị độ tin cậy trên 0,70 phù hợp với tiêu chuẩn (Hair, 2010).

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Thống kê mô tả

Kết quả thống kê mô tả cho các yếu tố được trình bày trong Bảng 1 cho thấy rằng trong các yếu tố liên quan đến năng lực KNS, yếu tố đánh giá độ tin cậy của thông tin số được đánh giá cao nhất với giá trị trung bình (TB) là 3,78; độ tin cậy (TC) là 0,89; độ lệch chuẩn (LC) là 0,75.

Ngược lại, yếu tố hiểu về các nguyên tắc công nghệ trong môi trường số chỉ có giá trị trung bình là 3,30 và độ tin cậy thấp nhất 0,61, cho thấy đây có thể là yếu tố cần được cải thiện và tập trung phát triển. Tổng hợp, giá trị trung bình năng lực KNS đạt 3,45 với độ tin cậy 0,89 cho thấy năng lực KNS được đánh giá khá tốt.

**Bảng 1.** Thống kê mô tả các yếu tố

Yếu Tố	TC	TB	LC	Yếu Tố	TC	TB	LC
Năng lực KNS	0,89	3,45	0,54	Động lực KNS	0,94	3,42	0,47
Truy cập và xử lý thông tin	0,72	3,46	0,79	Động lực kinh tế	0,87	3,44	0,53
Tạo ra thông tin số	0,72	3,48	0,77	Động lực tăng trưởng cá nhân	0,86	3,38	0,43
Sử dụng thông tin số	0,65	3,45	0,76	Động lực xã hội	0,84	3,45	0,52
Nguyên tắc công nghệ	0,61	3,30	0,68	Ý định KNS	0,75	3,41	0,49
Đánh giá thông tin số	0,89	3,78	0,75				

Khi xem xét các yếu tố liên quan đến động lực KNS thì yếu tố kinh tế là cao nhất, với giá trị trung bình là 3,44 cho thấy: đây là yếu tố quan trọng nhất đối với sinh viên khi suy nghĩ về KNS. Yếu tố về động lực xã hội và động lực tăng trưởng cá nhân có giá trị trung bình tương đương nhau: 3,45 và 3,38. Điều này chỉ ra rằng các yếu tố này cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo động lực khởi nghiệp cho sinh viên. Độ tin cậy tổng thể của động lực KNS là 0,94; đáp ứng yêu cầu cho các phân tích thống kê sau cùng (Hair, 2010) và động lực KNS đã được đánh giá một cách chính xác và có ý nghĩa.

Bảng 1 cũng cho thấy rằng ý định KNS của sinh viên có mức độ tin cậy tốt, đạt 0,75. Điều này cho thấy sinh viên không chỉ quan tâm đến việc có năng lực KNS mà còn có ý định và động lực thực sự để khởi nghiệp. Điều này được củng cố bởi sự khuyến khích và tập trung vào việc giáo dục khởi nghiệp trong thời hiện đại (Tiwari và cộng sự, 2020). Dựa trên dữ liệu đã phân tích, có thể kết luận rằng sinh viên hiện nay coi trọng năng lực và động lực KNS với ý định khởi nghiệp chắc chắn, phản ánh qua các chỉ số độ tin cậy cao và giá trị trung bình tích cực.

### 4.2. Kiểm định giả thuyết (Phân tích hồi quy)

Để đi sâu vào việc nghiên cứu mối liên kết, chúng tôi đã áp dụng phương pháp phân tích hồi quy cho ba biến: năng lực KNS, động lực khởi nghiệp và ý định KNS. Trong giai đoạn đầu, chúng tôi đánh giá ảnh hưởng trực tiếp của năng lực KNS đến ý định KNS. Giai đoạn thứ hai đánh giá tác động gián tiếp của năng lực KNS lên động lực khởi nghiệp. Giai đoạn cuối cùng đề cập đến việc nghiên cứu mối liên kết giữa động lực khởi nghiệp và ý định KNS (Hayes, 2018).

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là tìm hiểu mối liên kết giữa năng lực KNS và ý định KNS. Dựa trên Bảng 2, có thể kết luận rằng năng lực KNS có mối quan hệ mạnh mẽ với ý định KNS ( $F = 1489.89$ ,  $\beta = 0.79$ ,  $t=9.11$ ,  $R^2 = 0.78$ ). Như vậy, GT1 được chấp nhận và cũng nhận được sự đồng thuận từ các nghiên cứu trước đó (Tiwari, 2020).

Mục tiêu thứ hai của nghiên cứu là tìm hiểu mối quan hệ giữa năng lực KNS và động lực khởi nghiệp. Các kết quả cho thấy một mối liên kết ý nghĩa ( $F = 4101.61$ ,  $\beta = 0.831$ ,  $t=12.19$ ,  $R^2 = 0.907$ ). Như vậy, giả thuyết 3 được chấp nhận tương tự các nghiên cứu trước (Purwana, 2017).

**Bảng 2.** Kiểm Định Giả Thuyết (Ước lượng khả năng tối đa cho mô hình)

Biến độc lập	Biến phụ thuộc	$\beta$	t	R <sup>2</sup>	F
Năng lực KNS	Ý định KNS	0.79	9.11	0.78	1489.89
Năng lực KNS	Động lực khởi nghiệp	0.83	12.19	0.90	4101.61
Động lực khởi nghiệp	Ý định KNS	0.95	49.63	0.85	2463.05

Đối với mục tiêu thứ ba, chúng tôi tập trung nghiên cứu tác động của động lực khởi nghiệp lên ý định KNS. Kết quả phân tích cho thấy mối quan hệ này có ý nghĩa ( $F = 2463.51$ ,  $\beta = 0.95$ ,  $t=49.63$ ,  $R^2 = 0.92$ ). Như vậy, GT 3 được chấp nhận và được hỗ trợ bởi nhiều nghiên cứu (Purwana, 2017).

#### 4.3. Thảo luận

Nghiên cứu khẳng định rằng năng lực KNS là nền tảng quan trọng cho việc hình thành ý định khởi nghiệp ở sinh viên, nó phản ánh sự cần thiết của năng lực số trong kỷ nguyên số hóa. Kết quả này tương quan với nghiên cứu của (Carretero, 2017) đề cập đến việc phát triển các năng lực như dữ liệu, giao tiếp, sáng tạo nội dung số, an toàn và giải quyết vấn đề là cơ sở cho ý định khởi nghiệp.

Nghiên cứu cũng cho thấy động lực khởi nghiệp giúp sinh viên nuôi dưỡng mục tiêu trở thành doanh nhân là kinh tế, cá nhân và xã hội. Các kỹ năng được nhấn mạnh như yếu tố cần thiết để phát triển ý định và KNS thành công (Markow, 2018; Tiwari, 2020).

Nghiên cứu này cung cấp dữ liệu hữu ích cho việc xây dựng chính sách và phát triển chương trình giáo dục, góp phần chuẩn bị nguồn nhân lực và nâng cao năng lực tổng thể trong môi trường khởi nghiệp. Tuy nhiên, việc tiến tới số hóa đòi hỏi sự thích ứng và phát triển từ kiến thức và mối quan hệ truyền thống (Rippa, 2019). Kết quả này vạch ra hướng đi cho giáo viên trong việc xây dựng hệ thống hỗ trợ công nghệ nhằm hướng dẫn sinh viên xác định và theo đuổi con đường trở thành doanh nhân số.

#### 4.4. Biện pháp giáo dục khởi nghiệp số

Giáo dục KNS là một công việc mới mẻ nhưng rất cần thiết trong việc xây dựng quốc gia

khởi nghiệp. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất một số biện pháp để nâng cao chất lượng KNS:

*Thứ nhất*, phát triển và cập nhật chương trình giáo dục một cách thường xuyên. Trong quá trình giáo dục nói chung, giáo dục KNS nói riêng cần luôn cập nhật, cải tiến liên tục chương trình giáo dục. Đặc biệt là những xu hướng số, công cụ số và những tình huống phản ánh bản chất biến đổi của cảnh quan kinh doanh số.

*Thứ hai*, học tập trải nghiệm. Tích hợp cơ hội học tập trải nghiệm trong quá trình giáo dục KNS bằng mô phỏng, thực tập tại các doanh nghiệp số, công ty công nghệ để cho phép sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết trong các tình huống thực tế.

*Thứ ba*, tích hợp giáo dục khởi nghiệp bằng việc hướng sinh viên cận liên ngành, kết hợp giáo dục khởi nghiệp với công nghệ, khóa học về tư duy thiết kế, thúc đẩy, tạo động lực đổi mới và kỹ năng giải quyết vấn đề. Đồng thời, thiết lập quan hệ đối tác với các doanh nghiệp số để hỗ trợ, trao đổi kiến thức và thực hành ngành nghề mới nhất

*Thứ tư*, phát huy nền tảng trực tuyến và đầu tư hạ tầng số. Trong giáo dục KNS cần thúc đẩy ứng dụng các nền tảng trực tuyến và các khóa học trực tuyến mở rộng đa dạng hóa cách khai thác, tiếp cận những nguồn thông tin về KNS. Đồng thời nâng cao chất lượng đường truyền Internet để tạo điều kiện hướng tới người học tự chủ trong quá trình hình thành ý định, động lực KNS.

*Thứ năm*, phát triển giảng viên trong giáo dục KNS. Giảng viên cần được tạo điều kiện trong việc tiếp cận những xu hướng, phương pháp mới trong giáo dục KNS. Quá trình phát

triển liên tục của đội ngũ giảng viên quyết định đến chất lượng KNS.

*Thứ sáu*, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp bằng việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục khởi nghiệp như: phòng thí nghiệm sáng tạo, không gian sáng tạo và quỹ đầu tư cụ thể cho các dự án KNS.

## 5. Kết luận

Trong môi trường thông tin số ngày càng mở rộng, sinh viên đang nhận thức được sự cần thiết của việc khai thác hiệu quả nguồn thông tin

trực tuyến phong phú. Điều này đòi hỏi một nền giáo dục có khả năng nâng cao kỹ năng lọc và phân tích thông tin, cũng như hiểu biết sâu sắc về các yếu tố liên quan đến lĩnh vực khởi nghiệp. Các kết quả thu được từ nghiên cứu hiện tại làm rõ vai trò quan trọng của việc phát triển năng lực số và động lực khởi nghiệp đối với việc hình thành ý định khởi nghiệp. Chương trình đào tạo được thiết kế tốt có thể trang bị cho sinh viên những lợi thế cạnh tranh, củng cố kỹ năng khởi nghiệp của họ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bauboniene et al. (2018). “Factors influencing student entrepreneurship intentions: The case of Lithuanian and South Korean universities”. *Entrepreneurship and Sustainability Issues*, Vol. 6(2) pp.854–871

Bui, B. H. H., & Pham, M. T. (2021). “Entrepreneurial intention of engineering students: the role of motivations and barriers”. *VNUHCM Journal of Economics, Business and Law*, 5(2), 1509-1523.

Carretero, S., Vuorikari, R., & Punie, Y. (2017). *DigComp 2.1: The Digital Competence Framework for Citizens. With eight proficiency levels and examples of use*. European Union.

Farhangmehr, M. et al. (2016). Predicting entrepreneurial motivation among university students: The role of entrepreneurship education. *Education and Training*, Vol. 58, No. 7/8, pp. 861-881

Hair, J.F. et al. (2010). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Prentice Hall.

Hayes, A.F. (2018). *Introduction to Mediation, Moderation, and Conditional Process Analysis: regression based approach*. (T. D. Little, Ed.) (2nd ed.). New York, USA: Guilford Publications.

Li, L., & Wu, D. (2019). “Entrepreneurial education and students’ entrepreneurial intention: does team cooperation matter?” *Journal of Global Entrepreneurship Research*, Vol. 9, N(1) pp. 1-13.

Man, T.W.Y., Lau, T. & Chan, K.F. (2002). “The competitiveness of small and medium enterprises: A conceptualization with focus on entrepreneurial competencies”. *Journal of Business Venturing*, Vol. 17, No. 2, pp. 123-142

Markow, W., Hughes, D., & Bundy, A. (2018). *The new foundational skills of the digital economy: developing the professionals of the future*. Business Higher Education Forum. Washington, District of Columbia.

Murnieks, C.Y., Klotz, A.C., & Shepherd, D.A. (2020). “Entrepreneurial motivation: A review of the literature and an agenda for future research”. *Journal of Organizational Behavior*, Vol. 41, No. 2, pp. 115–143.

Nurlan Kurmanov et al. (2020). “Digital entrepreneurship competencies among students: Methodological aspects of the maturity level and development program making”. *Journal of Entrepreneurship Education*. Vol. 23, No. 2, pp. 1–11.

Nggadas et al. (2019). “The mastery of physics concepts between students are learning by ICT and laboratory experiments based-teaching”. *Momentum: Physics Education Journal*, Vol. 2, No. 1, pp. 21–31.

Ngoasong, M.Z. (2018). “Digital entrepreneurship in a resource-scarce context: A focus on entrepreneurial digital competencies”. *Journal of Small Business and Enterprise Development*, Vol. 25, No. 3, pp. 483-500

Purwana, D., & Suhud, U. (2017). “Entrepreneurship education and taking/receiving & giving (TRG) motivations on entrepreneurial intention: Do vocational school students need an entrepreneurial motivator?” *International Journal of Applied Business and Economic Research*, Vol. 15, No. 22, pp. 349-363.

Rippa, P., & Secundo, G. (2019). “Digital academic entrepreneurship: The potential of digital technologies on academic entrepreneurship”. *Technological Forecasting and Social Change*, Vol. 146, pp. 900-911.

Tiwari, et al. (2020). “Mediating Role of Prosocial Motivation in Predicting Social Entrepreneurial Intentions”. *Journal of Social Entrepreneurship*, Vol. 13, No. 1, pp. 118- 141.

Thu, N. H., et al. (2023). “Tác động của giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Việt Nam”. *TNU Journal of Science and Technology*, 228(11), 99-106.